

Bản án số: 401 /2021/HNGĐ- ST

Ngày: 10/11/2021

V/v tranh chấp Ly hôn và con chung

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHƯƠNG MỸ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Vương Đăng Khoa**

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Hữu Trọng

Bà Nguyễn Thị Luận

- Thư ký phiên tòa: Bà **Lê Thị Hương** – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa: Bà **Triệu Thị Hồng** - Kiểm sát viên

Ngày 10 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 182/2021/TLST- HNGĐ ngày 26/4/2021 về “*Tranh chấp ly hôn, nuôi con chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 106/2021/QĐXX-ST ngày 23/8/2021, Quyết định hoãn phiên tòa số 78/2021/QĐ-HNGĐ ngày 14/10/2021 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Bùi Thị L, sinh năm 1989; HKTT: Thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội; nơi cư trú: Phố T, xã TR, thành phố H, tỉnh H.(Đơn xin vắng mặt)

- Bị đơn: Anh Đỗ Xuân H, sinh năm 1991; HKTT và nơi cư trú: Thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội.(Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn - chị Bùi Thị L trình bày: Chị và anh Đỗ Xuân H kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L ngày 12/3/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống hạnh phúc một vài năm thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Chị L và anh H đã ly thân từ tháng 08/2020 đến nay. Nay chị L xác định tình cảm vợ chồng không còn, đề nghị Tòa án giải quyết cho được ly hôn anh H.

Về con chung: có 02 con chung là Đỗ Hương G sinh ngày 12/9/2013 và Đỗ Nhật N, sinh ngày 04/9/2017. Ly hôn chị L xin được nuôi 02 con chung, chị L không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn - anh Đỗ Xuân H trình bày: Anh và chị L kết hôn với nhau là tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L ngày 12/3/2012. Sau khi kết hôn hai vợ chồng chung sống với nhau đến tháng 4/2020 thì chị L chuyển sống tại ký túc Trường THCS TR – H. Nguyên nhân vợ chồng mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống. Nay chị L xin ly hôn, anh H không đồng ý.

Về con chung: có 02 con chung là Đỗ Hương G sinh ngày 12/9/2013 và Đỗ Nhật N, sinh ngày 04/9/2017. Trường hợp ly hôn anh H có nguyện vọng để chị L nuôi 02 con chung, anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Về tài sản chung và công nợ, công sức: tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Viện kiểm sát nhân dân huyện Chương Mỹ tham gia phiên tòa phát biểu: Thâm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án. Nguyên đơn đã chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án. Bị đơn chưa chấp hành nghiêm chỉnh quy định của pháp luật tố tụng dân sự trong quá trình giải quyết vụ án.

Về nội dung: Đề nghị áp dụng các Điều 51, 53, 56, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; điều 28, 35, 147, điểm b khoản 2 Điều 227 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Đề nghị Hội đồng xét xử giải quyết: Chị L được ly hôn anh H. Con chung: Giao chị L nuôi dưỡng 02 con chung. Anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng. Tài sản, công sức, công nợ: không yêu cầu giải quyết. Chị Bùi Thị L phải nộp tiền án phí ly hôn sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Chị Bùi Thị L có đơn khởi kiện đề nghị Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ giải quyết được ly hôn anh Lê Văn Yên. Anh H có HKTT tại Thôn X, xã T, huyện Chương Mỹ, thành phố Hà Nội. Tòa án nhân dân huyện Chương Mỹ thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Bị đơn – anh Đỗ Xuân H đã được Tòa án triệu tập hợp lệ lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ điểm b khoản 2 điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt anh H.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị L và anh Đỗ Xuân H thiết lập quan hệ hôn nhân trên cơ sở tự nguyện, đảm bảo điều kiện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn L ngày 12/3/2012 là hợp pháp. Quá trình chung sống anh H và chị L

đều xác nhận có phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, vợ chồng ly thân từ tháng 4/2020. Anh H không đồng ý ly hôn nhưng không đến tham gia phiên hòa giải, không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, tình cảm giữa chị L và anh H không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận đơn xin ly hôn của chị L với anh H là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Đỗ Hương G sinh ngày 12/9/2013 và Đỗ Nhật N, sinh ngày 04/9/2017. Xét thấy cả chị L và anh H đều có nguyện vọng giao 02 con chung cho chị L nuôi dưỡng. Do đó, giao cho chị L được quyền nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục 02 con chung đến khi trưởng thành hoặc có quyết định thay đổi khác.

Ghi nhận sự tự nguyện của anh H cấp dưỡng nuôi con chung 2.000.000đ/tháng.

Anh H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được cản trở là phù hợp với quy định tại các Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

[2.3] Về tài sản chung, công nợ: Chị L và anh H không yêu cầu giải quyết về tài sản chung nên Tòa án không xem xét.

[3] Về án phí: Chị L phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm.

Vì các lẽ trên!

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 4 Điều 147 Bộ Luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về hôn nhân: Chị Bùi Thị L được ly hôn anh Lê Văn Yên

2. Về con chung: Chị L và anh H có 02 con chung là Đỗ Hương G sinh ngày 12/9/2013 và Đỗ Nhật N, sinh ngày 04/9/2017.

Giao chị Bùi Thị L được quyền chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là cháu là Đỗ Hương G sinh ngày 12/9/2013 và Đỗ Nhật N, sinh ngày 04/9/2017, đến khi con chung thành niên (đủ 18 tuổi) hoặc có quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Hương G sinh ngày 12/9/2013 cho chị Bùi Thị L là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung thành niên hoặc có Quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Xuân H cấp dưỡng nuôi con chung Đỗ Nhật N, sinh ngày 04/9/2017 cho chị Bùi Thị L là 1.000.000đồng/tháng kể từ tháng 11/2021 đến khi con chung thành niên hoặc có Quyết định thay đổi khác.

Anh Đỗ Xuân H có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, công nợ: không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Bùi Thị L phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm được tính trừ vào số tiền 300.000 đồng đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Chương Mỹ, Thành phố Hà Nội theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số AA/2020/0075068 ngày 23/4/2021.

Anh Đỗ Xuân H phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm về việc cấp dưỡng nuôi con.

Chị Bùi Thị L có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày tuyên án.

Anh Đỗ Xuân H có quyền kháng cáo trong thời hạn mười lăm ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

**T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa**

Vương Đăng Khoa

Nơi nhận:

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện (02 bản);
- Các đương sự;
- Lưu HS, VP
- Chi cục THA dân sự Chương Mỹ

T/M Hội đồng xét xử
Thẩm phán -Chủ tọa phiên tòa

Vương Đăng Khoa